

Số: **55** /2023/NQ-HĐND

Quảng Bình, ngày 02 tháng 10 năm 2023

NGHỊ QUYẾT

**Quy định định mức lập dự toán ngân sách nhà nước thực hiện
nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh Quảng Bình**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG BÌNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ 11**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của
Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa
học và công nghệ;*

*Căn cứ Nghị định số 14/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Chính
phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ
trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí
ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của
Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn
phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có
sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số 1916/TTr-UBND ngày 25 tháng 9 năm 2023 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán
kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa
bàn tỉnh Quảng Bình; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng
nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (KH&CN) được quy định tại Điều 27 và Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ.

2. Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan quản lý nhiệm vụ KH&CN và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 2. Định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN

1. Dự toán chi thù lao tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh bằng 28 triệu đồng/người/tháng; định mức chi thù lao đối với chức danh chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bằng 20 triệu đồng/người/tháng; đối với các chức danh hoặc nhóm chức danh khác, mức chi thù lao bằng 0,8 lần mức chi của chủ nhiệm nhiệm vụ.

2. Dự toán chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học như sau:

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Người chủ trì	Đồng/ buổi	1.400	1.000
2	Thư ký	Đồng/ buổi	500	250
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học	Đồng/ báo cáo	2.100	1.500
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đề nghị viết báo cáo nhưng không trình bày tại hội thảo	Đồng/ báo cáo	1.050	750
5	Thành viên tham gia	Đồng/ thành viên/buổi	200	150

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN (nếu có) được xây dựng trên cơ sở số lượng thành viên tham gia đánh giá với mức chi bằng 50% mức chi cho Hội đồng nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN được quy định tại khoản 1 Điều 3.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ KH&CN

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước được dự toán các nội dung chi quản lý chung để đảm bảo triển khai nhiệm vụ KH&CN

tại tổ chức chủ trì. Dự toán kinh phí quản lý chung nhiệm vụ KH&CN bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 100 triệu đồng/nhiệm vụ.

Điều 3. Một số định mức chi quản lý hoạt động KH&CN

1. Định mức chi hoạt động của các Hội đồng

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Chi tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch hội đồng		1.050	750
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		700	500
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350	250
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500	350
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		500	350
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		350	250
2	Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN			

a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN	Hội đồng		
	Chủ tịch Hội đồng		1.250	900
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050	750
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của Ủy viên Hội đồng		500	350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
3	Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ KH&CN			
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ		
	Chủ tịch hội đồng		1.250	900
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên hội đồng		1.050	750
	Thư ký khoa học		300	150
	Thư ký hành chính		300	150
	Đại biểu được mời tham dự		200	100
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá		
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500	350
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700	500
4	Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động	Chuyên gia	1.050	750

	của Hội đồng.		
--	----------------------	--	--

2. Định mức chi hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN

Đơn vị tính: 1.000 đồng

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi	
			Nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh	Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở
1	Tổ trưởng	Nhiệm vụ	700	500
2	Thành viên	Nhiệm vụ	500	350
3	Thư ký hành chính	Nhiệm vụ	300	150
4	Đại biểu được mời tham dự	Nhiệm vụ	200	100

3. Chi hội thảo khoa học phục vụ công tác quản lý nhiệm vụ, chương trình KH&CN (nếu có) thực hiện theo quy định đối với dự toán chi hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học phục vụ hoạt động nghiên cứu quy định tại khoản 2, Điều 2.

4. Các khoản chi khác liên quan trực tiếp đến quản lý hoạt động KH&CN được thực hiện trên cơ sở thuyết minh, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện được đảm bảo trong dự toán kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ thuộc ngân sách tỉnh được cơ quan có thẩm quyền giao hàng năm.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh trong phạm vi, nhiệm vụ, quyền hạn của mình giám sát việc triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn trong Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật mới.

Điều 6. Quy định chuyển tiếp

Đối với các nhiệm vụ KH&CN đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục áp dụng theo các quy định tại thời điểm phê duyệt nhiệm vụ cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Bình khóa XVIII, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2023 và có hiệu lực thi hành từ ngày 12 tháng 10 năm 2023./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính, KH&CN;
- Vụ Pháp chế các Bộ: Tài chính, KH và CN;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Ban Thường vụ Tỉnh ủy;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- TT HĐND, UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban, các tổ đại biểu, các đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Đài PT-TH, Báo Quảng Bình, Trung tâm TH-CB tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND./.

CHỦ TỊCH



Trần Hải Châu